

Bảo Yên, ngày 06 tháng 7 năm 2021

Số: 01/2021/QĐST-VDS

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Hoàng Thị Giang Thanh

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hiếu - Thư ký TAND huyện Bảo Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên tham gia phiên họp:
Bà Hoàng Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Yên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc "Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-VDS ngày 29 tháng 6 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Trương Thị T

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai

Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Bàn Văn N (Bàn Văn D) và chị Nguyễn Thị Đ

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai

- Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Viết Hg - Chủ tịch.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Văn M - Phó chủ tịch (Giấy uỷ quyền ngày 05/7/2021)

Đều có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và lời khai tại Toà án, chị Trương Thị T trình bày:

Chị và anh Bàn Văn N kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 29/5/2008 tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn (thời điểm này anh lấy tên là Bàn Văn D). Quá trình chung sống với nhau do không hạnh phúc nên năm 2009 anh D đã bỏ đi không chung sống cùng chị.

Đến nay chị muốn làm thủ tục ly hôn anh D thì được biết năm 2011 anh D đã chung sống cùng người phụ nữ khác tại huyện V và đã có con chung, đến năm 2014 anh lấy tên gọi Bàn Văn N và thực hiện đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Đ, giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã C cấp ngày 28/4/2014. Nay Công an xã T, huyện V xác nhận tên Bàn Văn N và tên Bàn Văn D đều là của một người, việc UBND xã C đăng ký kết hôn cho anh N với chị Đ là trái pháp luật. Vì vậy chị đề nghị Toà án giải quyết huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh N với chị Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bàn Văn N và chị Nguyễn Thị Đ đều thừa nhận lời trình bày của chị Trương Thị T là đúng sự thật và nhất trí với yêu cầu của chị T. Trong thời gian anh chị chung sống với nhau đã có con chung là cháu Bàn Thị L - sinh ngày 15/10/2011, hiện cháu khoẻ mạnh phát triển bình thường. Anh chị nhất trí để chị Đ trực tiếp nuôi cháu L, anh N không cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Ngoài ra anh chị không có tài sản công nợ chung.

Ủy ban nhân dân xã C, huyện B trình bày: Ngày 29/5/2008 UBND xã C đã đăng ký kết hôn cho anh Bàn Văn D và chị Trương Thị T. Ngày 28/4/2014 UBND xã đăng ký kết hôn cho anh Bàn Văn D (N) với chị Nguyễn Thị Đ. Qua giấy xác nhận họ tên, kiểm tra xác minh nhân thân trước lúc anh Bàn Văn N chuyển về xã T, huyện V thì xác định tên Bàn Văn D và Bàn Văn N là của một người. Vậy giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Bàn Văn N với chị Nguyễn Thị Đ là trái pháp luật.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ việc và tại phiên họp Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 11, 12, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ các Điều 370, 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị T, huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh Bàn Văn N và chị Nguyễn Thị Đ. Anh Bàn Văn N và chị Nguyễn Thị Đ phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng. Công nhận sự thoả thuận của anh Bàn Văn N và chị Nguyễn Thị Đ về con chung: Chị Nguyễn Thị Đ được trực tiếp nuôi cháu Bàn Thị L sinh ngày 15/10/2011 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Bàn Văn N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trương Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh Bàn Văn N với chị Nguyễn Thị Đ, kết hôn do UBND xã C đăng ký. **Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên.**

[2]. Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ việc thì ngày 29/5/2008 anh Bàn Văn D (tức Bàn Văn N) và chị Trương Thị T đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai, kết hôn của anh chị là hợp pháp. Khi anh chị không chung sống cùng nhau, anh D chưa ly hôn với chị T đã lấy tên gọi Bàn Văn N tiếp tục thực hiện đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Đ tại UBND xã C ngày 28/4/2014.

Xét thấy anh Bàn Văn N (tức Bàn Văn D) là người đang có vợ mà kết hôn với người khác là vi phạm điều cấm của pháp luật, vi phạm điều kiện kết hôn tại khoản 1 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Việc UBND xã C thực hiện đăng ký kết hôn cho anh Bàn Văn N và chị Nguyễn Thị Đ là vi phạm pháp luật. Vì vậy yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật của chị Trương Thị T là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về hậu quả của việc huỷ kết hôn trái pháp luật

Anh Bàn Văn N và chị Nguyễn Thị Đ chung sống với nhau đã có một con chung là cháu Bàn Thị L sinh ngày 15/10/2011, đến nay anh chị đều nhất trí để chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu, anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy thoả thuận của anh chị là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu L nên Toà án công nhận sự thoả thuận của anh chị. Ngoài ra anh chị không có tài sản công nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về lệ phí, chị Trương Thị T không phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 11, 12, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ các Điều 370, 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Trương Thị T.

1. Huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh Bàn Văn N (Bàn Văn D) và chị Nguyễn Thị Đ, theo giấy chứng nhận kết hôn số 20-2014 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai cấp ngày 28/4/2014.

2. Anh Bàn Văn N và chị Nguyễn Thị Đ phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

3. Công nhận sự thoả thuận của anh Bàn Văn N và chị Nguyễn Thị Đ về con chung: Chị Nguyễn Thị Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bàn Thị L sinh ngày 15/10/2011 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Bàn Văn N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi chấm dứt quan hệ như vợ chồng, anh Bàn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

4. Chị Trương Thị T không phải nộp tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BY;
- Đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(đã ký)**

Hoàng Thị Giang Thanh